TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/HS-ST
Ngày: 08-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tám.

2. Ông Đặng Song Hoàn.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Ngà - Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa*: Ông Trần Văn Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 08-3-2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 404/2023/HSST ngày 22 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐXX–HS ngày 11 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/HSST-QĐ ngày 24-01-2024; Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 01/2024/QĐ-TĐTT ngày 20-02-2024; Thông báo số 01/2024/TB-TA ngày 16-02-2024, đối với bị cáo:

Bùi Ngọc Phi S, sinh năm 1983 tại tỉnh Ninh Thuận; nơi đăng ký thường trú: Thôn G, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; Chỗ ở: Số E B, Phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hoá: 1/12; Nghề nghiệp: Thiên chúa; Cha Bùi Văn T (đã chết) và mẹ Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm: 1959; bị cáo là con thứ tư trong gia đình có năm anh chị em.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25-9-2023 tại Phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có mặt)

** Bị hại:*

+ Ông Phạm Mạnh K, sinh năm 1988; địa chỉ: 2 L, phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

+ Ông Phạm C, sinh năm 1984; địa chỉ: 1 L, phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

** Người làm chứng:*

+ Ông Bùi Phương L, sinh năm 1983; địa chỉ: 3 N, phường C, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

+ Ông Bùi Phương V, sinh năm 1989; địa chỉ: 3 N, phường C, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

+ Ông Lê Đức T1, sinh năm 1985; địa chỉ: 1 B, phường C, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Huỳnh T2, sinh năm 1980; địa chỉ: E B, phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 11/2018, anh Phạm Thanh A (sinh năm: 1971) cho bà Huỳnh Thị H1 (sinh năm: 1982) vay 10.000.000 đồng. Do đòi tiền nhiều lần nhưng bà H1 chưa trả nên anh A đã đến nhà gặp ông Nguyễn Văn M (sinh năm: 1955, chồng của bà H1) yêu cầu trả nợ. Sau đó, giữa ông M và anh A xảy ra cãi vã, anh A có lời lẽ hù dọa ông M. Đến khoảng 21 giờ 30 phút ngày 21-4-2019, Nguyễn Huỳnh T2 (sinh năm: 1980, con của bà H1, ông M) cùng Lê Phúc T3 (sinh năm: 1985), Bùi Phương L (sinh năm: 1983), Bùi Phương V (sinh năm: 1989) và Bùi Ngọc Phi S ngồi nhậu ở nhà của T2 tại địa chỉ: Số E B, Phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thì T2 biết được việc ông M bị A đòi nợ và đe dọa đánh nên đã nói cho T3, L, V, S biết và gọi điện thoại cho anh A đến nhà T2 để lấy tiền nợ nhưng thực chất là để đánh dằn mặt. Do bận việc nên anh A nhờ Nguyễn Quốc D (sinh năm: 1988) đến gặp T2, anh D lại nhờ anh Phạm Mạnh K (sinh năm: 1988) đi giùm mình. Anh K đồng ý và chạy xe mô tô đến nhà T2, khi đến nơi, anh K dựng xe mô tô ở bên ngoài cổng và đi vào trong nhà thì bị T2 dùng cây tua vít chĩa vào cổ họng và dùng chân đá vào người anh K, bắt anh K quỳ xuống đất và tra hỏi "Có phải là người đã dọa đánh ông M - bố của T2 không?". Anh K trả lời không phải là người dọa đánh mà chỉ là người đến lấy tiền giùm thì bị T2 bắt gọi điện thoại nói người cho mượn tiền đến gặp T2 để giải quyết. Sau khi gọi điện thoại xong, anh K tiếp tục bị T2, T3, S, V dùng tay chân đánh và bắt quỳ gối trong khuôn viên sân nhà T2 còn L đứng cạnh cổng làm nhiệm vụ canh giữ không cho anh K bỏ chạy ra ngoài.

Khoảng 10 phút sau khi anh K điện thoại, anh Phạm Thanh C1 (sinh năm: 1984, người được anh D nhờ đến gặp T2) chạy xe mô tô đến và đi vào trong nhà T2. Lúc này, L bước ra ngoài cổng làm nhiệm vụ cảnh giới còn T2 đóng cửa cổng

lại rồi dùng tay, chân đánh anh C1 và dùng 01 cây kéo (loại cắt cây) uy hiếp anh C1, T3 dùng tay chân đánh vào người anh C1 và tra hỏi có phải anh C1 là người đã đe dọa đánh bố của T2 không? Trong lúc nhóm của T2 tra hỏi anh C1 thì khoảng 05 phút sau, lực lượng Công an P1, Công an thành phố V do đồng chí Vũ Đình C2 (sinh năm: 1991) và 02 đồng chí bảo vệ dân phố là anh Nguyễn Huy H2 (sinh năm: 1986) và anh Lê Tấn T4 (sinh năm: 1987) đến và yêu cầu T2 mở cửa để giải quyết vụ việc. Sau đó, T2 mở cửa cho đồng chí C2 vào trong nhà còn anh H2 và anh T4 ở ngoài. Khi vào trong nhà, đồng chí C2 yêu cầu tất cả dừng tay và về Công an Phường giải quyết nhưng các đối tượng không chấp hành. Khoảng 03 phút sau, đồng chí Nguyễn Hoàng T5 (sinh năm: 1989), cán bộ Công an P1 đến để tăng cường, yêu cầu T2 mở cửa làm việc. Khi vào trong nhà, mặc dù đồng chí C2 và đồng chí T5 yêu cầu nhóm của T2 dừng tay không đánh anh C1 và anh K nữa nhưng nhóm của T2 không nghe theo vẫn tiếp tục đánh, đến khi anh C1 và anh K xin lỗi T2 thì nhóm của T2 mới mở cửa cho ra ngoài. Cùng lúc này, anh Phạm Thanh A điều khiển xe mô tô đến nhà T2, khi đến nơi thì bị T2, V, S xông vào dùng tay, chân đánh anh A ngất xỉu. Đồng chí T5, C2 vào căn ngăn nhóm của T2 thì bị V dùng tay đấm vào mặt đồng chí T5, buộc đồng chí T5 phải bắn 02 phát súng chỉ thiên để trấn áp nhóm của T2 và đưa người bị hại đi cấp cứu.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Nguyễn Huỳnh T2, Bùi Phương L, Lê Phúc T3, Bùi Phương V, Bùi Ngọc Phi S đã khai nhận hành vi phạm tội. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra vụ án Bùi Ngọc Phi S bỏ trốn nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Lệnh truy nã đối với S và Quyết định tách hành vi của S thành 01 vụ án riêng để xử lý. Đến nay, hành vi của Nguyễn Huỳnh T2, Bùi Phương L, Lê Phúc T3 và Bùi Phương V đã được Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đưa ra xét xử theo quy định. Đến ngày 25-09-2023, Bùi Ngọc Phi S đến Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố V đầu thú. Trong quá trình điều tra, S đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội, ăn năn hối lỗi về việc mình đã gây ra, lời khai của S phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu giữ (BL 08 - 16). Ngoài ra, người bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ đối với hành vi phạm tội của S.

Về phần trách nhiệm dân sự: Bị hại anh C1 yêu cầu bị cáo S bồi thường số tiền là 5.000.000đ. Ngày 06-3-2024, bị cáo S đã tự nguyện bồi thường số tiền 5.000.000đ cho anh C1.

Tại bản cáo trạng số 08/CT-VKSTPVT ngày 21-12-2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, truy tố bị cáo S về tội *"Giữ người trái pháp luật"* theo điểm đ khoản 2 Điều 157 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo S phạm tội *"Giữ người trái pháp luật"*. Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 157, Điều 38, điểm b, s

khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo S từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù về tội "Giữ người trái pháp luật". Về xử lý đồ vật, vật chứng: Đề nghị không giải quyết; Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh C1 yêu cầu bị cáo S bồi thường số tiền là 5.000.000đ và ngày 06-3-2024 bị cáo S đã tự nguyện bồi thường số tiền 5.000.000đ cho anh C1, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị hại anh C1, anh K và người làm chứng là anh L, anh V, anh T3, anh T2 vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có bản tự khai, lời khai và được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Bị hại anh C1, anh K và người làm chứng là anh L, anh V, anh T3, anh T2 theo quy định tại điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, của người làm chứng, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Do mâu thuẫn cá nhân nên vào ngày 21-4-2019, Bùi Ngọc Phi S cùng với Nguyễn Huỳnh T2, Lê Phúc T3, Bùi Phương L và Bùi Phương V đã có hành vi dùng vũ lực để giữ người trái pháp luật đối với anh Phạm Mạnh K và anh Phạm C1 trong khoảng thời gian khoảng hơn 40 phút, tại căn nhà số E B, Phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng . Hành vi khống chế, bắt giữ anh K và anh C1 trái với ý muốn của anh K, anh C1 là hành vi bắt giữ người không đúng luật do bị cáo S và đồng bọn thực hiện nêu trên đủ yếu tố cấu thành tội "Giữ người trái pháp luật" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự như Viện kiểm

sát nhân dân thành phố Vũng Tàu truy tố là có căn cứ, đúng người người đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội:

Bị cáo S có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Nhận thức rõ quyền tự do thân thể của con người được pháp luật bảo vệ, đòi hỏi các cá nhân và các chủ thể khác trong xã hội phải tôn trọng và quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, nhưng do bị cáo thiếu ý thức trong việc chấp hành pháp luật nên đã cố ý thực hiện hành vi giữ người trái pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an trên địa bàn thành phố V. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo là áp dụng hình phạt tù để cách ly các bị cáo ra ngoài đời sống xã hội nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo S có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo S đã bồi thường thiệt hại cho bị hại anh C1, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo S, bản thân bị cáo S hiện nay đang bị bệnh hiểm nghèo HIV, bị cáo S đầu thú nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo S để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về tính chất đồng phạm: Bị cáo S và đồng bọn cùng cố ý thực hiện tội phạm, nhưng không có sự phân công, câu kết chặt chẽ, hành vi của bị cáo là nhất thời, bộc phát nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Bị cáo S tham gia với vai trò giúp sức. Bị cáo S có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu về việc áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo S.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh C1 yêu cầu bị cáo S bồi thường số tiền là 5.000.000đ và ngày 06-3-2024 bị cáo S đã tự nguyện bồi thường số tiền 5.000.000đ cho anh C1, Hội đồng xét xử ghi nhận bị cáo S đã tự nguyện bồi thường cho anh C1.

[7] Về xử lý vật chứng, tài sản trong vụ án: Không giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

Bị cáo S bồi thường cho anh C1 trước ngày mở phiên tòa nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

Bị cáo **Bùi Ngọc P S** phạm tội *"Giữ người trái pháp luật"*.

1. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 157; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Bùi Ngọc Phi S 06 (S1)** tháng tù về tội *"Giữ người trái pháp luật"*. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Xử lý vật chứng: Không giải quyết.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo S đã bồi thường số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) cho bị hại anh C1.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016;

Bị cáo S phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo S phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên tòa nên thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV06; PC10);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND Tp.Vũng Tàu;
- Công An Tp.Vũng Tàu;
- Chi cục THADS Tp.Vũng Tàu;
- Bị cáo; Bị hại; NCQLNVLQ.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Phượng